TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/6/2019
V/v *"Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thị Anh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Trung Kiên;
2. Ông Nguyễn Văn Long;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Dần – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2019/TLST - HNGĐ ngày 01/3/2019 về việc kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn chị Trương Thị T - sinh năm 1982.

Trú tại: Bản N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn anh Trương Văn C - Sinh năm 1979.

Trú tại: Bản N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh Trương Văn C kết hôn với nhau ngày 05/9/2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B trên cơ sở tự nguyên. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế, anh C không quan tâm đến gia đình, vợ con thường uống rượu say về vô cớ đánh đập chị, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mặc dù đã được gia đình, thôn bản hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị Thảm nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn C.

Quá trình chung sống, anh chị có hai người con chung là cháu Trương Ngọc Tg sinh ngày 27/4/2010 và cháu Trương Mai Đ sinh ngày 02/2/2007. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu T và Đ đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Thảm không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại các biên bản hòa giải anh Trương Văn C khai: Anh C công nhận về thời gian, điều kiện và địa điểm đăng ký kết hôn như chị Thảm trình bày là đúng sự thật. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay, chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị T có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nhất trí ly hôn với chị Trương Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung, về tên tuổi như chị T trình bày là đúng. Cháu Trương Ngọc T là con ruột của vợ chồng anh chị, còn cháu Trương Mai Đ là con nuôi. Khi ly hôn anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228; điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị T.

-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Trương Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Trương Mai Đ sinh ngày 02/02/2007 cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Trương Ngọc T sinh ngày 27/4/2010 cho anh Trương Văn C trực tiếp trông nom nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuyên quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung cho các đương sự. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

Tại phiên toà chị Trương Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Trương Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Trương Văn C và chị Trương Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Trương Văn C kết hôn với nhau ngày ngày 05/9/2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến gia đình, vợ con thường uống rượu say về vô cớ đánh đập chị, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được thôn bản, gia đình hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Chị Thảm xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anhC, anhC cũng nhất trí ly hôn. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa chị Thảm và anhC đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị T là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung cháu. Trương Mai Đ sinh ngày 02/02/2007 và cháu Trương Ngọc T sinh ngày 27/4/2010. Cháu Đ là con nuôi, con cháu T là con ruột của anh chị. Xét thấy chị Trương Thị T và anh Trương Văn C hiện nay đều có nhà ở ổn định tại bản N, xã T, huyện B. Chị T và anhC đều thuộc diện hộ cận nghèo, tuy nhiên anh chị đều đi làm thuê và có mức thu nhập ổn định. Cháu Trương Mai Đ là con gái và có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Trương Ngọc T có nguyện vọng ở với bố. Do vậy cần giao cháu Trương Mai Đ sinh ngày 02/2/2007 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đên khi cháu 18 tuổi; Giao cháu Trương Ngọc T cho anh Trương Văn C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đên khi cháu 18 tuổi là phù hợp. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Trương Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Mai Đào sinh ngày 02/02/2007 cho chị Trương Thị T, giao cháu Trương Ngọc Thắng - Sinh ngày 27/4/2010 cho anh Trương Văn C; trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng bên nào. Chị Trương Thị T, anh Trương Văn C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3.Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001489 ngày 01/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, chị Thảm đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trương Thị T, anh Trương Văn C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện Bảo Yên;
- UBND xã T;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thị Anh